TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 22 */2023*/DSST-HNGĐ Ngày: 14 / 12 /2023 *V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Vũ Văn Thoa; Ông Trịnh Đình Hồng

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn: Bà Nguyễn Thị Huấn- Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số *116/2023* /TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/QĐXX-HNGĐ ngày 29 / 11 /2023 giữa các đương sự:

1Nguyên đơn: Chị Lê Thị T sinh năm 1976 (có mặt)

2.Bị đơn*:* Anh Nguyễn Đình B sinh năm 1971

Đều trú tại: Tổ 8, thôn N , phường L , thị xã B , tỉnh T (anh B có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 /9 /2023 , bản tự khai ngày 19 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã P , huyện N tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Đình B chơi bời nợ nần nhiều dẫn đến thất thoát về kinh tế trong gia đình. Từ tháng 7 năm 2022 vợ chồng chị đã ly thân. Nay chị xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

Về phần con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu đầu là: Nguyễn Minh K (nam) sinh ngày 26/ 9 / 1999 cháu đã thành niên có công ăn việc làm ổn định ; cháu thứ 2 là Nguyễn Minh N (nam) sinh ngày 18/ 03 /2018 hiện nay cháu còn nhỏ đang sống cùng với chị, nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu Nguyễn Minh N, chị xin được nuôi cháu và không đề nghị anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu Nhật.

Về tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Về công nợ: Vợ chồng không có nợ nần gì chung.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2023 bị đơn anh Nguyễn Đình B trình bày: Anh và chị Lê Thị T kết hôn với nhau vào ngày 25/11/1998 đăng ký tại UBND xã P, huyện N, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi cọ va chạm. Kể từ tháng 7 năm 2022 vợ chồng sống ly thuân. Nay chị T xin ly hôn anh quan điểm của anh cũng nhất trí vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn.

Về phần con cái: Anh thừa nhận anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày. Quan điểm của anh về phần con cái anh nhất trí để cháu thứ hai là Nguyễn Minh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh B trình bày không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình B và cho chị xin được nuôi cháu Nguyễn Minh N không đề nghị anh B phải đóng góp nuôi con chung với chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị T xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Đình B . Về phần con cái: Đề nghị hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Minh N cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, do chị T không yêu cầu anh B đóng góp nuôi con chung nên không xét. Về tài sản: đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc chị Lê Thị T có đơn đề nghị giải quyết việc: " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" đối với anh Nguyễn Đình B có địa chỉ tại phường L, thị xã B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B , tỉnh T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 39 bộ luật Tố tụng Dân sự .

[2] Về nội dung vụ án :

-Về phầnhôn nhân: Chị T và anh B kết hôn với nhau trên cở sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N , tỉnh T vào năm 1998. Vì vậy, đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị T khai là do anh B chơi bời dẫn đến nợ nần, gây thất thoát về kinh tế trong gia đình. Anh B cho rằng vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Các bên thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2022, cả hai bên đều xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình B là phù hợp với các quy định của pháp luật

[3]**Về phân con cái**: Vợ chồng có hai con chung, cháu đầu là Nguyễn Minh K (nam) sinh ngày 26/4/ 1999 ; cháu thứ 2 là Nguyễn Minh N (nam) sinh ngày 18/3/2018. Cháu đầu đã đủ tuổi thành niên, đã có công ăn việc làm ổn định nên Tòa án không phải giải quyết, cháu thứ hai là Nguyễn Minh N (nam) sinh ngày 18/03/2018 hiện nay cháu còn nhỏ và đang ở với chị T nên tiếp tục giao cháu cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị T không đề nghị anh B đóng góp nuôi con chung nên không xét.

[4]**Về tài sản**: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] **Về án phí**: Án phí DSST chị Lê Thị Thu phải chịu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**: khoản 1 điều 28 và khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 51,56 81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mục 1.1 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình B .

Về phần con cái : Giao cháu Nguyễn Minh N (nam) sinh ngày (18/03/2018) cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu N nên Tòa án không giải quyết.

Anh Nguyễn Đình B được quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, chị Lê Thị T không được ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

Về phần tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: án phí Dân sự sơ thẩm chị Lê Thị T phải nộp tiền án phí là 300.000đ được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án Dân sự Bỉm sơn theo biên lai thu số 0006384 ngày 03 tháng 10 năm 2023 . Như vậy, chị Lê Thị T đã thi hành xong khoản án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/12/2023), anh Nguyễn Đình B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG